

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK1/2020-2021
HỆ NGHIÊN CỨU SINH

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/2020-2021	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
3	15028002	Trần Đình Vương	K15SDHNS	K22NCS	60,712,500	14,625,000	0	75,337,500	
6	15028005	Nguyễn Thị Kim Oanh	K15SDHNS	K22NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
1	15028008	Phạm Thanh Huyền	K15SDHNS	K22NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
9	15028009	Phạm Văn Hà	K15SDHNS	K22NCS	-500	14,625,000		14,624,500	
10	15028010	Nguyễn Thanh Thụy	K15SDHNS	K22NCS	64,387,500	14,625,000	0	79,012,500	
12	15028012	Nguyễn Ngọc Khương	K15SDHNS	K22NCS	42,637,500	14,625,000	0	57,262,500	
13	15028014	Phạm Thanh Tùng	K15SDHNS	K22NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
14	15028015	Trần Tuấn Vinh	K15SDHNS	K22NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
15	15028016	Lê Bá Cường	K15SDHNS	K22NCS	42,637,500	14,625,000	0	57,262,500	
16	15028017	Nguyễn Ngọc Khải	K15SDHNS	K22NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
17	15028018	Nguyễn Hạnh Phúc	K15SDHNS	K22NCS	42,637,500	14,625,000	0	57,262,500	
19	15028021	Bùi Anh Tú	K15SDHNS	K22NCS	26,147,500	14,625,000	0	40,772,500	
21	15028023	Kiều Minh Việt	K15SDHNS	K22NCS	42,637,500	14,625,000	0	57,262,500	
22	15028024	Giản Quốc Anh	K15SDHNS	K22NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
23	15028025	Trần Huy Toàn	K15SDHNS	K22NCS	42,637,500	14,625,000	0	57,262,500	
24	15028026	Vũ Quốc Tuấn	K15SDHNS	K22NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
26	15028028	Nguyễn Thanh Hải	K15SDHNS	K22NCS	42,637,500	14,625,000	0	57,262,500	
1	16028001	Nguyễn Thị Chăm	K16SDHNS	K23NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
2	16028002	Phạm Tuấn Dũng	K16SDHNS	K23NCS	-662,500	14,625,000	0	13,962,500	
5	16028006	Bùi Văn Tân	K16SDHNS	K23NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
6	16028007	Ngô Thị Vinh	K16SDHNS	K23NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
8	16028009	Nguyễn Thị Hạnh	K16SDHNS	K23NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
9	16028010	Nguyễn Thị Hồng Loan	K16SDHNS	K23NCS	25,837,500	14,625,000	0	40,462,500	
11	16028012	Nguyễn Đức Sứ	K16SDHNS	K23NCS	25,837,500	14,625,000	0	40,462,500	
12	16028013	Nguyễn Văn Đức	K16SDHNS	K23NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
13	16028014	Phùng Công Phi Khanh	K16SDHNS	K23NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
14	16028015	Đông Phạm Khôi	K16SDHNS	K23NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
16	16028017	Kiều Thanh Bình	K16SDHNS	K23NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
18	16028019	Mai Mạnh Trùng	K16SDHNS	K23NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
20	16028021	Trần Sỹ Trọng Khanh	K16SDHNS	K23NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
1	17028001	Nguyễn Dương Hùng	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
2	17028002	Nguyễn Văn Thâm	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
3	17028003	Nguyễn Thọ Thông	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
4	17028004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
5	17028005	Trần Nguyên Hương	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
6	17028006	Trần Văn Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
7	17028007	Nguyễn Thị Thùy Liên	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/2020-2021	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8	17028008	Bùi Thị Hà	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
9	17028009	Lê Văn Luân	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
10	17028010	Vũ Xuân Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
11	17028011	Phạm Văn Thành	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
12	17028012	Dương Thị Hằng	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
13	17028013	Nguyễn Đình Dư	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
14	17028014	Hoàng Văn Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
15	17028015	Phạm Minh Phúc	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
16	17028016	Nguyễn Văn Thành	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
17	17028017	Phan Nguyễn Đức Dược	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
18	17028018	Phan Hải	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
19	17028019	Trần Văn Hậu	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
20	17028020	Hồ Anh Tâm	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
21	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	K17SDHNS	K24NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
1	18028001	Nguyễn Minh Hải	K18SDHNS	K25KHMT	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
2	18028002	Vũ Minh Mạnh	K18SDHNS	K25KHMT	25,837,500	14,625,000	0	40,462,500	
3	18028003	Lê Kim Thư	K18SDHNS	K25KHMT	-662,500	14,625,000	0	13,962,500	
1	18028004	Phạm Hữu Tùng	K18SDHNS	K2MMT&TTDL	37,657,500	14,625,000	0	52,282,500	
1	18028005	Lưu Việt Hưng	K18SDHNS	K25NCS	37,837,500	14,625,000	0	52,462,500	
2	18028006	Phạm Đình Nguyễn	K18SDHNS	K25NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
2	19028003	Bùi Minh Tuấn	K19SDHNS	K26NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
3	19028004	Bùi Thanh Hương	K19SDHNS	K26NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
4	19028005	Trần Việt Khoa	K19SDHNS	K26NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
5	19028006	Lê Việt Hà	K19SDHNS	K26NCS	13,757,500	14,625,000	0	28,382,500	
6	19028007	Nguyễn Đức Anh	K19SDHNS	K26NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
7	19028008	Nguyễn Quang Trung	K19SDHNS	K26NCS	0	14,625,000	0	14,625,000	
8	19028009	Đào Mạnh Hiệp	K19SDHNS	K26NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	
9	19028010	Mai Thị Ngọc ánh	K19SDHNS	K26NCS	12,587,500	14,625,000	0	27,212,500	